

**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc (sau đây được gọi là “Ban Giám đốc”) đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Hồ Nguyên Sĩ	Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29/06/2025)
Ông Nguyễn Văn Tánh	Quyền Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc (thôi giữ chức vụ từ ngày 29/06/2025)
Ông Bùi Phi Hùng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2025)
Ông Ngô Vĩnh Khanh	Phó Giám đốc (thôi giữ chức vụ từ ngày 29/06/2025)
Ông Trần Phúc Thịnh	Kiểm soát viên

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Hồ Nguyên Sĩ
Chủ tịch Công ty
Gia Lai, ngày 16 tháng 7 năm 2025

Số: 813/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định (sau đây được gọi là “Công ty”), được lập ngày 16/07/2025, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/06/2025. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Tại ngày 30/06/2025, Công ty hạch toán tăng Chi phí phải trả với số tiền 19.895.397.691 đồng, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ cơ sở cho việc hạch toán này, do đó chúng tôi không đưa ý kiến về vấn đề này cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hà Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2025

Lê Đức Hạnh

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số 3340-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.113.330.003	32.538.704.910
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	26.126.202.107	19.107.082.940
Tiền	111		3.126.202.107	14.107.082.940
Các khoản tương đương tiền	112		23.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.676.750.265	12.015.858.772
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	8.713.676.152	14.075.093.057
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		693.090.065	124.979.270
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	518.225.000	64.027.397
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(2.248.240.952)	(2.248.240.952)
Hàng tồn kho	140	8	1.116.217.520	1.076.551.889
Hàng tồn kho	141		1.116.217.520	1.076.551.889
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		194.160.111	339.211.309
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	-	300.614.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	194.160.111	38.597.309
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.674.484.200.113	4.792.687.555.243
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		4.674.375.333.463	4.792.648.632.893
Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.674.375.333.463	4.792.648.632.893
- Nguyên giá	222		6.798.132.012.106	6.755.390.160.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.123.756.678.643)	(1.962.741.527.213)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		108.866.650	38.922.350
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	108.866.650	38.922.350
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		4.709.597.530.116	4.825.226.260.153

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		25.481.514.362	19.587.828.787
Nợ ngắn hạn	310		25.481.514.362	19.587.828.787
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	2.143.136.000	3.414.877.920
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		124.272.500	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	427.910.239	587.126.054
Phải trả người lao động	314		-	6.580.134.137
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	19.895.397.691	35.100.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.013.543.102	951.096.110
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	15	301.671.664	939.914.664
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.575.583.166	7.079.579.902
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	4.684.116.015.754	4.805.638.431.366
Vốn chủ sở hữu	410		448.199.932.285	448.200.314.723
Vốn góp của chủ sở hữu	411		440.794.284.482	440.794.284.482
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.540.376.241	3.540.376.241
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(382.438)	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(382.438)	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		3.865.654.000	3.865.654.000
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.235.916.083.469	4.357.438.116.643
Nguồn kinh phí	431		(1.205.998.000)	2.221.411.000
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		4.237.122.081.469	4.355.216.705.643
TỔNG NGUỒN VỐN	440		4.709.597.530.116	4.825.226.260.153



Lê Thị Ngọc Phú
 Người lập/Phụ trách kế toán



Hồ Nguyên Sĩ
 Chủ tịch Công ty
 Gia Lai, ngày 16 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	01/01/2025 - 30/06/2025 VND	01/01/2024 - 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	45.302.690.436	33.846.076.991
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		45.302.690.436	33.846.076.991
Giá vốn hàng bán	11	18	40.028.235.248	26.760.455.673
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.274.455.188	7.085.621.318
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	143.343.754	109.279.957
Chi phí tài chính	22	20	-	3.419.178
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	3.419.178
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	5.418.181.380	7.160.163.893
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(382.438)	31.318.204
Thu nhập khác	31		-	67.102.000
Chi phí khác	32		-	98.420.204
Lợi nhuận khác	40		-	(31.318.204)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(382.438)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(382.438)	-


Lê Thị Ngọc Phú
Người lập/Phụ trách kế toán


Hô Nguyên Sĩ
Chủ tịch Công ty
Gia Lai, ngày 16 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	01/01/2025 - 30/06/2025 VND	01/01/2024 - 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		51.175.741.412	39.381.037.035
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(5.279.068.920)	(1.665.748.939)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(23.702.455.546)	(21.943.115.813)
Tiền lãi vay đã trả	4		-	(3.419.178)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(198.359.411)	(56.388.288)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		2.436.366.722	1.031.190.127
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(17.413.105.090)	(17.552.342.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.019.119.167	(808.788.055)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	109.279.957
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	109.279.957
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	30.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(30.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		7.019.119.167	(699.508.098)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	19.107.082.940	15.555.688.379
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	26.126.202.107	14.856.180.281


Lê Thị Ngọc Phú
 Người lập/Phụ trách kế toán




Hồ Nguyên Sĩ
 Chủ tịch Công ty
 Gia Lai, ngày 16 tháng 7 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn Nhà nước được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Khai thác Công trình Thủy Lợi Bình Định), Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định – nay là Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai. Hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259395; đăng ký lần đầu ngày 11/08/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07/05/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định (cũ) cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Số 228 Nguyễn Văn Linh, Khu vực Huỳnh Kim, Phường An Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai.

Vốn điều lệ của Công ty là: 435.588.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi lăm tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu đồng)

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm các đơn vị sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1	Xí nghiệp thủy lợi I (*)	Số 208 Trần Phú, Phường Bồng Sơn, Tỉnh Gia Lai
2	Xí nghiệp thủy lợi II (*)	Số 117 Quang Trung, Xã Phù Cát, Tỉnh Gia Lai
3	Xí nghiệp thủy lợi III (*)	Số 173/2 Trường Chinh, Tổ dân phố Cẩm Văn, Phường An Nhơn Đông, Tỉnh Gia Lai
4	Xí nghiệp thủy lợi IV (*)	Số 474 đường Nguyễn Huệ, Khu phố Công Chánh, xã Tuy Phước, Tỉnh Gia Lai
5	Xí nghiệp thủy lợi V (*)	Khối 1, Xã Tây Sơn, Tỉnh Gia Lai
6	Xí nghiệp Thủy Lợi Định Bình (*)	Thôn Định Nhất, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai
7	Xí nghiệp Dịch vụ thủy lợi - Chi nhánh Công ty TNHH Công trình Thủy lợi Bình Định (**)	Thôn Thọ Tân Nam, Xã An Nhơn Tây, Tỉnh Gia Lai

(*) Xí nghiệp hoạt động phụ thuộc, hạch toán báo sổ.

(**) Xí nghiệp hoạt động độc lập, hạch toán phụ thuộc, tạm dừng hoạt động từ ngày 01/01/2025.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi;
- Dịch vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh;
- Nuôi trồng thủy sản; Hoạt động du lịch tại các công trình thủy lợi;
- San ủi mặt bằng, cải tạo ruộng đồng;
- Khảo sát, thiết kế, giám sát, thi công xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi;
- Khảo sát, thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; Đầu tư khai thác công trình thủy điện;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ mời thầu; Tư vấn tham gia dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán công trình;
- Thi công xây dựng sửa chữa các công trình thủy lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường dưới 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, các số liệu này có thể so sánh được.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.3 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Đối với hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chủ yếu là các công trình xây dựng dở dang chưa được xác định doanh thu. Các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này được tập hợp trên cơ sở các chi phí trực tiếp tại các công trình. Giá trị xây lắp dở dang được xác định mang tính ước tính cao và có thể thay đổi trong từng thời kỳ tùy thuộc vào chính sách của Công ty.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với các công trình nạo vét kênh, sửa chữa nâng cấp cống theo đơn đặt hàng của Sở Tài chính Tỉnh Bình Định, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, ghi nhận tăng nguyên giá theo chi phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng; đối với các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao hàng năm (tăng hoặc giảm) tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc thiết bị	7 - 8
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
- Tài sản cố định khác (*)	30 - 50

(*) Tài sản cố định khác của Công ty không phải trích khấu hao, bao gồm các loại:

- Tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đắp bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương...);
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

Tài sản cố định là công trình thủy lợi được hạch toán theo Thông tư số 76/2019/TT-BTC ngày 05/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi. Theo đó, khi hạch toán tăng nguyên giá của tài sản cố định thuộc công trình thủy lợi sẽ ghi tăng nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong kỳ, đồng thời khi hạch toán hao mòn tài sản cố định thuộc hạ tầng giao thông thủy lợi sẽ ghi giảm nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định.

3.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo số tiền thanh toán thực tế cho bên nhà thầu. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa được Công ty phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh với thời gian không quá 36 tháng.

3.8 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

3.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của Chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2025/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 và Quyết định phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU, GIÁ VỐN

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu sản phẩm, dịch vụ thủy lợi:

Gồm doanh thu sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và doanh thu sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác, được xác định bằng đơn giá sản phẩm, dịch vụ nhân (x) với diện tích thực hiện, sản lượng cung cấp. Đơn giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2025 áp dụng theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 09/06/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định.

Doanh thu hoạt động tài chính: bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh: Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.11 THUẾ

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Thu nhập chịu thuế doanh nghiệp của Công ty được xác định theo kế hoạch đặt hàng được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định phê duyệt.

Thủy lợi phí trong hạn điền thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, do vậy Công ty không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	420.467.066	71.007.648
<i>Văn phòng Công ty</i>	419.873.506	69.513.318
<i>Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi</i>	593.560	1.494.330
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.705.735.041	14.036.075.292
<i>Văn phòng Công ty</i>	2.704.711.039	13.174.346.932
<i>Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi</i>	1.024.002	861.728.360
Các khoản tương đương tiền (*)	23.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	26.126.202.107	19.107.082.940

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại ngân hàng thương mại.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	8.713.676.152	14.075.093.057
- Khách hàng Văn phòng Công ty	8.713.676.152	14.075.093.057
+ Ngân sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	2.900.309.815	6.826.941.633
+ Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình	749.984.032	1.445.877.069
+ Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong	2.316.835.310	2.568.799.015
+ Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Quy Nhơn	1.458.393.600	1.469.238.300
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng thủy điện Đồng Mít	-	783.336.749
+ Công ty TNHH Tinh bột sắn Nhiệt Đồng Tâm	-	28.318.680
+ Công ty TNHH Cấp thoát nước miền Trung	519.480.000	402.363.000
+ Phải thu khách hàng khác	768.673.395	550.218.611
Cộng	8.713.676.152	14.075.093.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	518.225.000	-	64.027.397	-
- Văn phòng Công ty	518.225.000	-	64.027.397	-
Lãi tiền gửi	-	-	4.027.397	-
Phải thu người lao động	15.000.000	-	-	-
Tạm ứng	101.225.000	-	-	-
Kinh phí Đảng, Công đoàn	342.000.000	-	-	-
Phải thu khác	60.000.000	-	60.000.000	-
- Xí nghiệp Dịch vụ thủy lợi	-	-	-	-
Cộng	518.225.000	-	64.027.397	-

7. NỢ XẤU

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	2.554.755.542	(2.248.240.952)	306.514.590	2.568.799.015	(2.248.240.952)	320.558.063
- Công ty CP Chế biến tinh bột sản xuất khẩu Bình Định	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP Thủy điện Văn Phong	2.554.755.542	(2.248.240.952)	306.514.590	2.568.799.015	(2.248.240.952)	320.558.063
Cộng	2.554.755.542		306.514.590	2.568.799.015		320.558.063

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.108.400.120	-	1.068.734.489	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>1.108.400.120</i>	-	<i>1.068.734.489</i>	-
<i>Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi</i>	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	7.817.400	-	7.817.400	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>7.817.400</i>	-	<i>7.817.400</i>	-
Cộng	1.116.217.520	-	1.076.551.889	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2025	41.726.757.893	148.491.850.471	28.594.691.536	9.113.878.457	6.527.462.981.749	6.755.390.160.106
- Nhà nước cấp tài sản hạ tầng thủy lợi	-	-	-	-	42.741.852.000	42.741.852.000
30/06/2025	<u>41.726.757.893</u>	<u>148.491.850.471</u>	<u>28.594.691.536</u>	<u>9.113.878.457</u>	<u>6.570.204.833.749</u>	<u>6.798.132.012.106</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2025	(15.412.556.558)	(31.527.268.978)	(16.719.400.358)	(2.523.802.859)	(1.896.558.498.460)	(1.962.741.527.213)
- Khấu hao trong kỳ	-	(89.146.000)	(65.033.256)	(24.496.000)	-	(178.675.256)
- Hao mòn tài sản KCHTTL	(608.560.328)	(7.258.643.075)	(933.319.262)	(409.745.555)	(139.688.235.154)	(148.898.503.374)
- Nhà nước cấp tài sản hạ tầng thủy lợi	-	-	-	-	(11.937.972.800)	(11.937.972.800)
30/06/2025	<u>(16.021.116.886)</u>	<u>(38.875.058.053)</u>	<u>(17.717.752.876)</u>	<u>(2.958.044.414)</u>	<u>(2.048.184.706.414)</u>	<u>(2.123.756.678.643)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2025	<u>26.314.201.335</u>	<u>116.964.581.493</u>	<u>11.875.291.178</u>	<u>6.590.075.598</u>	<u>4.630.904.483.289</u>	<u>4.792.648.632.893</u>
30/06/2025	<u>25.705.641.007</u>	<u>109.616.792.418</u>	<u>10.876.938.660</u>	<u>6.155.834.043</u>	<u>4.522.020.127.335</u>	<u>4.674.375.333.463</u>

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 30/06/2025: 7.010.489.655 đồng (không bao gồm TSCĐ không phải trích khấu hao).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	-	300.614.000
- Chi phí nạo vét phát dọn kênh mương	-	300.614.000
<i>Văn phòng Công ty</i>	-	<i>300.614.000</i>
Dài hạn	108.866.650	38.922.350
- Phí Bảo hiểm, phí đường bộ xe ô tô, khác	8.412.900	38.922.350
- Chi phí gia hạn chữ ký số, tài khoản web	12.337.250	-
- Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ	87.717.500	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>87.717.500</i>	<i>-</i>
- Chi phí khác	399.000	-
Cộng	108.866.650	339.536.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.143.136.000	2.143.136.000	3.414.877.920	3.414.877.920
- Văn phòng Công ty	2.141.136.000	2.141.136.000	3.112.950.000	3.112.950.000
+ Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng dịch vụ An Phát	65.975.000	65.975.000	109.991.000	109.991.000
+ Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Kiến Hưng	228.563.000	228.563.000	1.372.271.000	1.372.271.000
+ Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Bằng Hữu	22.344.000	22.344.000	214.051.000	214.051.000
+ Công ty TNHH ATGIS	81.512.000	81.512.000	306.469.000	306.469.000
+ Công ty TNHH Hiệp Tiến	35.125.000	35.125.000	582.427.000	582.427.000
+ Công ty TNHH Tổng hợp xây dựng Bình An	1.448.396.000	1.448.396.000	-	-
+ Phải trả đối tượng khác	259.221.000	259.221.000	527.741.000	527.741.000
- Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi	2.000.000	2.000.000	301.927.920	301.927.920
Cộng	2.143.136.000	2.143.136.000	3.414.877.920	3.414.877.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp /khấu trừ trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	356.920.077	532.861.801	538.946.749	350.835.129
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.522.547	-	56.522.547	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	31.260.313	31.260.313	-
- Thuế tài nguyên	173.683.430	146.732.910	243.341.230	77.075.110
Cộng	587.126.054	710.855.024	870.070.839	427.910.239
	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.597.309	-	141.836.864	180.434.173
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	151.941.872	165.667.810	13.725.938
Cộng	38.597.309	151.941.872	307.504.674	194.160.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	19.895.397.691	35.100.000
- Chi phí trích trước dịch vụ thủy lợi	19.895.397.691	35.100.000
Cộng	19.895.397.691	35.100.000

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	1.013.543.102	951.096.110
- Phải trả chi phí thẩm tra quyết toán	17.989.002	35.604.602
- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	-	10.016.508
- Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Bình Định	24.937.500	-
- Phải trả khác - Văn phòng Công ty	129.250.000	307.708.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	837.729.600	597.767.000
- Phải trả khác	3.637.000	-
Cộng	1.013.543.102	951.096.110

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	301.671.664	939.914.664
- Chi phí sửa chữa, duy tu công trình thủy lợi	301.671.664	939.914.664
	301.671.664	939.914.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	Nguồn Kinh phí	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	440.794.284.482	3.540.376.241	-	3.865.654.000	4.692.836.190.242	-	5.141.036.504.965
- Lãi trong năm trước	-	-	6.527.009.025	-	-	-	6.527.009.025
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.527.009.025)	-	-	-	(6.527.009.025)
- Ngân sách Nhà nước cấp	-	-	-	-	82.479.872.000	10.494.011.000	92.973.883.000
- Thanh lý tài sản KCHTTL	-	-	-	-	(242.685.722)	-	(242.685.722)
- Hao mòn tài sản hạ tầng thủy lợi	-	-	-	-	(419.856.670.877)	-	(419.856.670.877)
- Duyệt chi nguồn kinh phí	-	-	-	-	-	(8.272.600.000)	(8.272.600.000)
31/12/2024	440.794.284.482	3.540.376.241	-	3.865.654.000	4.355.216.705.643	2.221.411.000	4.805.638.431.366
01/01/2025	440.794.284.482	3.540.376.241	-	3.865.654.000	4.355.216.705.643	2.221.411.000	4.805.638.431.366
- Lỗ trong kỳ này	-	-	(382.438)	-	-	-	(382.438)
- Ngân sách Nhà nước cấp Kinh phí	-	-	-	-	30.803.879.200	813.841.000	31.617.720.200
- Duyệt chi nguồn kinh phí	-	-	-	-	-	(3.620.371.000)	(3.620.371.000)
- Hao mòn tài sản hạ tầng thủy lợi	-	-	-	-	(148.898.503.374)	-	(148.898.503.374)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(620.879.000)	-
30/06/2025	440.794.284.482	3.540.376.241	(382.438)	3.865.654.000	4.237.122.081.469	(1.205.998.000)	4.684.116.015.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	01/01/2025 - 30/06/2025 VND	01/01/2024 - 30/06/2024 VND
Doanh thu thủy lợi phí cấp bù	34.899.681.182	26.658.575.416
Doanh thu cung cấp dịch vụ - cấp nước thủy điện	6.798.568.778	5.757.992.134
Doanh thu cấp nước khác	3.144.862.698	1.405.754.591
Doanh thu khác	459.577.778	23.754.850
Cộng	45.302.690.436	33.846.076.991

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	01/01/2025 - 30/06/2025 VND	01/01/2024 - 30/06/2024 VND
Giá vốn dịch vụ thủy lợi phí cấp bù, dịch vụ cấp nước	40.028.235.248	26.406.679.383
Giá vốn khác	-	353.776.290
Cộng	40.028.235.248	26.760.455.673

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	01/01/2025 - 30/06/2025 VND	01/01/2024 - 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	143.343.754	109.279.957
Cộng	143.343.754	109.279.957

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	01/01/2025 - 30/06/2025 VND	01/01/2024 - 30/06/2024 VND
Lãi tiền vay	-	3.419.178
Cộng	-	3.419.178

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	01/01/2025 - 30/06/2025 VND	01/01/2024 - 30/06/2024 VND
Chi phí cho nhân viên	3.250.567.881	4.539.921.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.767.804	3.499.429
Thuế phí, lệ phí	151.941.872	75.362.299
Chi phí quản lý tại các Xí nghiệp Thủy lợi	653.978.397	638.573.825
Chi phí quản lý tại Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi	561.000	126.532.791
Chi phí khác	1.302.364.426	1.776.274.450
Cộng	5.418.181.380	7.160.163.893

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. THÔNG TIN KHÁC

22.1 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 cần được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

22.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn 01/01/2024 - 30/6/2024 đã được kiểm toán.



Lê Thị Ngọc Phú
Người lập/Phụ trách kế toán



Hồ Nguyễn Sĩ
Chủ tịch Công ty
Gia Lai, ngày 16 tháng 7 năm 2025

